

Bản án số: 1059/2019/ST- HNGĐ

Ngày 01 tháng 11 năm 2019

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Oánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Nhung
2. Ông Thái Hoàn Xanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà, Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 274/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1991,

Địa chỉ thường trú: Số 33 đường Đ, Phường 14, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh,

Địa chỉ tạm trú: 01 đường Đ, Phường 02, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Bị đơn: Bà Cao Vũ Trúc L, sinh năm 1992,

Địa chỉ thường trú: 173/45/32 đường K, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh,

Địa chỉ tạm trú: số 281/9/11 đường K, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/3/2019, bản tự khai ngày 07/5/2019 nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L trình bày:

Ông và bà Cao Vũ Trúc L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09-2016 ngày 17/02/2016 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Sau 03 tháng chung sống với nhau, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh từ việc vợ chồng ông sống chung với chị ruột trong một căn hộ. Từ đó, vợ ông là bà L bỏ về nhà cha mẹ ruột để ở, thời điểm này vợ của ông cũng đã có thai được gần hai tháng.

Ông L có đến để thăm nom con chung nhưng bị từ chối và ngăn cản, cảm thấy bất lực nên ông không đến nữa.

Sau gần ba năm không chung sống với nhau, xét không thể hàn gắn được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, ông Nguyễn Xuân L yêu cầu ly hôn đối với bà Cao Vũ Trúc L.

Về con chung: Ông Nguyễn Xuân L xác định giữa ông và bà L có một con chung nhưng không biết rõ họ tên và ông chỉ biết thông tin là gia đình vợ tự làm giấy khai sinh cho con cho đến nay. Ông đồng ý giao con chung cho bà Cao Vũ Trúc L nuôi dưỡng nhưng không đồng ý trợ cấp nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Cao Vũ Trúc L trình bày tại bản tự khai ngày 27/09/2019:

Bà và ông Nguyễn Xuân L có đăng ký kết hôn vào năm 2016. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ việc cư xử ông L chỉ quan tâm đến chị ruột của ông L. Từ đó giữa bà và chị chồng phát sinh mâu thuẫn và cũng là nguyên nhân làm cho bà bị áp lực và buồn phiền quá nhiều dẫn đến bà bị động thai nhiều lần và mẹ ruột của bà có xin phép để đưa bà về nhà để chăm sóc, dưỡng thai. Thời gian đó, ông L có đến thăm bà một hai lần cho đến khi thai kỳ được 7 tháng thì ông L chỉ nghe lời mẹ ruột để chăm sóc cho chị chồng đang mang thai và bỏ luôn việc không đến thăm nom và chăm sóc cho bà. Bà L xác định vợ chồng ly thân nhau đã hơn ba năm kể từ năm 2016 cho đến nay.

Về con chung: Giữa bà và ông Nguyễn Xuân L có một con chung. Do ông L không giao Giấy chứng nhận kết hôn cho bà để làm thủ tục khai sinh cho cháu nên bà tự đi làm giấy khai sinh cho con và đặt tên cho con là Cao Nguyễn H, sinh ngày 09/02/2017.

Trường hợp Tòa án xét xử, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nêu trên, không yêu cầu ông Nguyễn Xuân L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bà là người theo đạo Công giáo nên không thể ký vào đơn ly dị. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau: Về thẩm quyền thụ lý vụ án; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình

giải quyết vụ án dân sự; Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L về việc ly hôn; ông Nguyễn Xuân L ly hôn bà Cao Vũ Trúc L; Về con chung: Giao con chung tên Cao Nguyễn H (nam), sinh ngày 09/02/2017 cho bà Cao Vũ Trúc L nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông Nguyễn Xuân L cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; án phí ông Nguyễn Xuân L phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/3/2019, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L yêu cầu ly hôn đối với bà Cao Vũ Trúc L là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Cao Vũ Trúc L có yêu cầu giải quyết vắng mặt và có nơi cư trú tại quận Tân Phú, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Xuân L và bà Cao Vũ Trúc L kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09-2016 ngày 17/02/2016 của Ủy ban nhân dân xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An là phù hợp quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L xác định yêu cầu ly hôn đối với bị đơn bà Cao Vũ Trúc L với nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã dẫn đến hạnh phúc không còn, mục đích hôn nhân không đạt.

Bị đơn bà Cao Vũ Trúc L xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng là do có sự bất đồng giữa vợ và cha mẹ chồng, đồng thời giữa hai vợ chồng với nhau không ai quan tâm đến ai về mặt tình cảm cũng như về kinh tế gia đình.

Đồng thời nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L và bị đơn bà Cao Vũ Trúc L xác định cả hai vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay.

Nhận thấy, trong quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn thì tại văn bản ngày 04/10/2019 của Hội liên hiệp phụ nữ nơi ông L và bà L sinh sống và cư trú xác định: Trong thời gian chung sống tại địa phương, ông L và Linh có xảy ra mâu thuẫn nhưng không

gây mất an ninh trật tự tại địa phương; do đó lời trình bày của ông Nguyễn Xuân L tại phiên tòa về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là có cơ sở để chấp nhận.

Hội đồng xét xử nhận thấy ông bà không còn thực hiện nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Do đó, tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L về việc ly hôn đối với bà Cao Vũ Trúc L là có cơ sở và phù hợp pháp luật theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Xuân L và bà Cao Vũ Trúc L xác định có một con chung tên Cao Nguyễn H, sinh ngày 09/02/2017 theo Giấy khai sinh số 233/TLKS-BS ngày 25/5/2017 của Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định tại Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Cao Vũ Trúc L yêu cầu được nuôi con chung tên Cao Nguyễn H, sinh ngày 09/02/2017 và không yêu cầu ông Nguyễn Xuân L trợ cấp nuôi con chung.

Nhận thấy, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L xác định cháu Cao Nguyễn Hồng Ân (nam) hiện đang sống chung với bà L, để ổn định tâm sinh lý và căn cứ hoàn cảnh hiện tại cháu Ân đang sinh sống; Cùng căn cứ vào mọi quyền lợi về mọi mặt của cháu Ân, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Cao Nguyễn Hồng Ân (nam), sinh ngày 09/02/2017 cho bà Cao Vũ Trúc L nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Cao Vũ Trúc L không yêu cầu ông Nguyễn Xuân L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L về việc ly hôn, ông Nguyễn Xuân L ly hôn bà Cao Vũ Trúc L; Về con chung: Giao con chung tên Cao Nguyễn H (nam), sinh ngày 09/02/2017 cho bà Cao Vũ Trúc L nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông Nguyễn Xuân L cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L phải nộp không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 264, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân L ly hôn bà Cao Vũ Trúc L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 09-2016 ngày 17/02/2016 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An không còn giá trị pháp luật kể từ ngày bản án có hiệu lực.

2. Về con chung: Cháu Cao Nguyễn H (nam), sinh ngày 09/02/2017 theo Giấy khai sinh số 233/TLKS-BS ngày 25/5/2017 của Ủy ban nhân dân phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh là con chung của ông Nguyễn Xuân L và bà Cao Vũ Trúc L.

Bà Cao Vũ Trúc L được quyền trực tiếp nuôi 01 (một) con chung tên Cao Nguyễn H (nam), sinh ngày 09/02/2017 và có quyền yêu cầu ông Nguyễn Xuân L cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của bà L.

Ông Nguyễn Xuân L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà Cao Vũ Trúc L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn Xuân L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp ông L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông Nguyễn Xuân L.

Trong trường hợp bà Cao Vũ Trúc L không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông Nguyễn Xuân L hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về phương thức cấp dưỡng: Bà Cao Vũ Trúc L không yêu cầu ông Nguyễn Xuân L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Nguyễn Xuân L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được cân trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012739 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông Nguyễn Xuân L đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Viện Trưởng viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Oánh